

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT  
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: **24/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/3/2023

V/v: “Ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thanh Tấn

2. Bà Phan Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Giang Ngọc Hà, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hương - Kiểm sát viên.

-----  
Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự về Hôn nhân và gia đình thụ lý số 599/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023, Quyết định Hoãn phiên tòa số: 49/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 09/3/2023, giữa các đương sự:

**F đơn:** Ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1962

Địa chỉ: thôn B, xã C, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

**Bị đơn:** Bà Lê Thị Hồng D, sinh năm: 1962

Địa chỉ: khu phố 4, phường E, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt F đơn, bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện nộp ngày 22/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, F đơn ông Nguyễn Văn A trình bày:* về quan hệ hôn nhân, ông và bà Lê Thị Hồng D tự nguyện tìm hiểu, sống chung từ trước năm 1987, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống ở E, đến năm 1995 ông bà về nhà cha mẹ ông ở xã C, huyện Hàm Thuận Bắc sống chung, năm 1996 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn bà D dẫn theo con nhỏ nhất về lại E sinh sống. ông bà chia tay từ lúc đó không liên hệ, không quan tâm đến nhau, ông A nuôi 03 con chung, bà D nuôi 01 con chung do bà dẫn theo. Nay ông A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn theo thủ tục được pháp luật quy định. Ông bà hiện nay đã mạnh ai nấy sống không còn quan tâm tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung: ông bà có 04 con chung đều đã trưởng thành là Nguyễn Thị Thanh F, (giới tính: nữ), sinh ngày 03/5/1989, Nguyễn Thanh G, (giới tính: nam), sinh ngày: 08/8/1991, Nguyễn Thị Thanh H, (giới tính: nữ), sinh ngày 10/01/1993, Nguyễn Thị Thanh I, (giới tính: nữ), sinh ngày 12/10/1996.

Về tài sản và nợ chung ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà Lê Thị Hồng D vắng mặt tại phiên tòa không lý do.*

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D có làm bản tự khai thể hiện nguyện vọng ý kiến, có tham gia 01 phiên hòa giải tại Tòa án, bà và ông A sống chung như ông A trình bày, có đăng ký kết hôn tại UBND phường E trước năm 1989, giấy đăng ký kết hôn bà không giữ, nên bà chưa cung cấp cho Tòa án, ông bà có 04 con chung đều đã trưởng thành như ông A trình bày bà cho rằng ông A ngoại tình đánh đập bà nên bà đã dắt con chung nhỏ nhất là Thanh I về nhà cha mẹ bà ở E, bà xác định mẹ con sống cùng nhau từ năm 2001 đến nay không quan tâm đến nhau nữa, nay ông A làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà, bà chưa có ý kiến vì còn tài sản chung là 02 miếng đất trồng Thanh Long tại xã Hàm Nhơn, đất bà không biết ai đứng tên, không biết chính xác thửa đất có diện tích bao nhiêu và Nhà Tự ông A đang ở với bà Lê Thị Rim, bà cũng không biết chính xác nhà đất đã có sổ đỏ chưa, đứng tên ai bà cũng không biết, các tài sản này bà yêu cầu chia, bà không biết chính xác giá trị của tài sản, bà sẽ cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án sau.

***Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tại phiên tòa:***

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. F đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của F đơn về hôn nhân, ông Nguyễn Văn A được ly hôn bà Lê Thị Hồng D, về con chung, các con chung đều đã trưởng thành nên không xét; về tài sản và nợ chung, F đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, về án phí ông Nguyễn Văn A không nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Nguyễn Văn A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Hồng D có nơi cư trú tại thành phố Phan Thiết; về con chung ông bà có bốn con chung đều đã trưởng thành là Nguyễn Thị Thanh F, (giới tính: nữ), sinh ngày 03/5/1989, Nguyễn Thanh G, (giới tính: nam), sinh ngày: 08/8/1991, Nguyễn Thị Thanh H, (giới tính: nữ), sinh ngày 10/01/1993, Nguyễn Thị Thanh I, (giới tính: nữ), sinh ngày 12/10/1996. Đây là vụ kiện “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Phan Thiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành các bước thụ lý, hòa giải, ra Quyết định xét xử... F đơn tham gia và chấp hành đầy đủ theo qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản

tổ tụng cho bà D nhưng bà D vẫn vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản đúng theo quy định của khoản 2 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: bà Lê Thị Hồng D và ông Nguyễn Văn A tự nguyện tìm hiểu, sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thị xã Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70/1988, ngày 07/6/1988 nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của F đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông A cho rằng, ông bà không đăng ký kết hôn, bà D cho rằng có đăng ký, Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ là bản “Trích lục kết hôn” nên việc ông bà có đăng ký kết hôn với nhau được pháp luật công nhận, cuộc sống hôn nhân của ông bà không được như ý muốn, xảy ra nhiều mâu thuẫn, có rất nhiều F nhân, ông bà đã không chung sống cùng nhau trên 20 năm, hôn nhân của ông bà chỉ còn ràng buộc nhau bởi Giấy chứng nhận kết hôn giữa hai người, gia đình hiện nay thực sự đã tan vỡ, cả hai không mang lại hạnh phúc cho nhau nên ông yêu cầu HĐXX xem xét cho ông bà được ly hôn.

HĐXX xét thấy thực tế ông bà đã không sống cùng nhau đã vi phạm Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, bà D không đưa ra ý kiến cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án làm kéo dài thêm quá trình giải quyết vụ án, điều đó thể hiện hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A với bà D theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4.2]. Về con chung: ông bà có 04 (bốn) con chung đều đã trưởng thành là Nguyễn Thị Thanh F, (giới tính: nữ), sinh ngày 03/5/1989, Nguyễn Thanh G, (giới tính: nam), sinh ngày: 08/8/1991, Nguyễn Thị Thanh H, (giới tính: nữ), sinh ngày 10/01/1993, Nguyễn Thị Thanh I, (giới tính: nữ), sinh ngày: 12/10/1996, các con đều đã trưởng thành nên HĐXX không xét.

[4.3]. Về tài sản và nợ chung: ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bà D cho rằng tài sản chung của ông bà là 02 miếng đất trồng Thanh Long tại xã Hàm Nhơn, đất bà không biết ai đứng tên, không biết chính xác thửa đất có diện tích bao nhiêu và Nhà TỰ ông A đang ở với bà Lê Thị Rím, bà cũng không biết chính xác nhà đất đã có sổ đỏ chưa, đứng tên ai bà cũng không biết, các tài sản này bà yêu cầu chia, bà không biết chính xác giá trị của tài sản, bà sẽ cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án sau. Tòa án đã ban hành Thông báo số 606/TB-TA, ngày 12/12/2022 yêu cầu bà D cung cấp tài liệu chứng cứ về các yêu cầu của bà, Tòa án đã tông đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà D, hết thời hạn theo quy định của pháp luật bà D không có ý kiến phản hồi nên Tòa án không xem xét giải quyết các yêu cầu của bà trong vụ án này.

[5]. Về án phí: ông Nguyễn Văn A là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị miễn nộp án phí, nên được miễn án phí theo khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy

định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn A được miễn án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình;  
*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Căn cứ:** khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **2. Tuyên xử:**

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn A đối với bà Lê Thị Hồng D, ông Nguyễn Văn A được ly hôn bà Lê Thị Hồng D.

Về con chung: ông bà có 04 (bốn) con chung đều đã trưởng thành là Nguyễn Thị Thanh F, (giới tính: nữ), sinh ngày 03/5/1989, Nguyễn Thanh G, (giới tính: nam), sinh ngày: 08/8/1991, Nguyễn Thị Thanh H, (giới tính: nữ), sinh ngày 10/01/1993, Nguyễn Thị Thanh I, (giới tính: nữ), sinh ngày 12/10/1996.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: ông Nguyễn Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

**3. Về án phí:** ông Nguyễn Văn A được miễn án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình; ông Nguyễn Văn A không nộp án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình.

**4. Về quyền kháng cáo:** F đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/3/2023), bị đơn bà Lê Thị Hồng D vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*).

### **Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND các đương sự ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Ngọc**